

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 5

Phẩm 3: NÓI VỀ SAI KHÁC (PHẦN 1)

Như thế nhân nơi giới đã nêu các căn. Nay, ở đây nên lại tư duy, lựa chọn.

Vì sao Đức Thế tôn nói riêng tên căn, hoàn toàn ở giới bên trong và một phần pháp. Do nghĩa tăng thượng nên nói riêng là căn. Vì trong sự kia được tăng trưởng, nên các pháp của nghĩa tăng thượng đều có, nhưng cực tăng thượng mới đặt tên căn.

Cái gì đối với cái gì là cực tăng thượng?

Tụng rằng:

Năm căn đối bốn việc

Bốn căn đối hai thứ

Trong năm, tám nhiễm, tịnh

Đều làm tăng thượng riêng.

Luận chép: Không phải tất cả căn đều làm cực tăng thượng cho một việc. Năm căn như nhãn căn, v.v... đều có công dụng tăng thượng đối với bốn việc:

1. Trang nghiêm thân.
2. Dẫn dắt, nuôi nấng thân.
3. Sinh thức, v.v...
4. Sự không chung.

Trang nghiêm thân, là hề thiếu một căn trong năm căn, thì thân sẽ xấu xí.

Dẫn dắt, nuôi nấng thân, nghĩa là nhân thấy, nghe, tránh được tai nạn nguy hiểm. Và vì đối với đoạn thực có công năng thọ dụng, nên ba thứ hương, vị, xúc đều thành đoạn thực. Như có bài tụng rằng:

Ví như người mắt sáng

Tránh được các hiểm nạn

Đời có người thông minh
 Là được các khổ, ác
 Học rộng biết được pháp
 Học rộng là được tội
 Học rộng bỏ vô nghĩa
 Học rộng được Niết-bàn.
 Thân do ăn trụ.
 Mạng nhờ ăn còn
 Ăn rồi khiến tâm
 Vui vẻ thư thái.

Sinh thức, v.v..., nghĩa là phát khởi năm thức và pháp tương ứng vì tùy theo căn là chỗ dựa có sáng suốt, tối tăm.

Sự không chung, nghĩa là nhận thấy, nghe, ngửi, nếm của cảnh mình, vì nhận biết cảnh khác nhau.

Có nói: Mắt, tai đối với chủ thể gìn giữ, bảo hộ sinh thân, pháp thân như thứ lớp sinh thân, pháp thân đó có công dụng tăng thượng. Hai bài tụng trước tức là bằng chứng này.

Có nói: Mắt, tai đều có công năng gìn giữ sinh thân và pháp thân, gần gũi bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, vì mắt, tai đều là một tạng thượng.

Nữ, nam, mạng, ý căn đều có công dụng tăng thượng đối với hai việc. Vả lại, hai tạng thượng của nữ, nam căn:

1. Hữu tình khác.
2. Phân biệt khác.

Hữu tình khác: Hữu tình ở kiếp sơ, loại hình đều bình đẳng. Hai căn sinh rồi thì Có sự sai khác về loại hình nữ, nam. Phân biệt khác: Đi, đứng, tiếng nói, bầu vú, búi tóc, v.v... đều an bài khác nhau.

Có nói: Vì có khác nhau mạnh yếu nên gọi hữu tình khác, vì y phục trang nghiêm có khác nhau, nên gọi là phân biệt khác.

Có nói: Căn này Có sức tăng thượng đối với hai phẩm nhiễm, tịnh, nên nói hai thọ bất luật nghi. Khởi nghiệp Vô gián vì dứt căn thiện, nên gọi đối với phẩm nhiễm, Có sức tăng thượng. Có thể thọ luật nghi, nhập đạo, được quả và vì lia dục nên gọi là đối với phẩm tịnh Có sức tăng thượng. Bán-trạch-ca, v.v... không có việc như thế. Mạng căn đối với hai có tăng thượng, nghĩa là do mạng nên lập ra các căn và căn khác nhau, do đây có, nên kia có, đây không có, nên kia không có. Hoặc đối với chúng đồng phần nối tiếp nhau và năng gìn giữ, ở cõi Vô sắc phải có mạng căn, mới có chỗ sinh, chắc chắn hữu tình kia khởi tâm nhiễm ô,

thiện của địa mình. Hoặc khởi tâm khác, vì không phải qua đời. Ý căn đối với hai hữu có tăng thượng. Nghĩa là công năng nối tiếp với hữu sau. Và tùy hành tự tại, có công năng nối tiếp hữu sau. Như Đức Thế tôn bảo Tôn giả A-nan-đà: Nếu thức không vào trong thai mẹ, thì tinh, huyết có được hình thành yết-thích-lam không?

Không, bạch Đức Thế tôn! Cho đến nói rộng.

Tùy hành tự tại, như Khế kinh nói:

Tâm dẫn dắt thế gian

Tâm năng nhiếp thọ khắp

Một pháp tâm như thế

Đều tùy hành tự tại.

Có nói: Vì ý căn Có sức tăng thượng, ở phẩm nhiễm, tịnh nên nói đối với hai, như Khế kinh nói: Vì tâm tạp nhiễm, nên hữu tình tạp nhiễm. Vì tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh. Năm thọ như lạc thọ, v.v..., tám căn như tín căn, v.v..., Có sức tăng thượng ở trong nhiễm, tịnh, nghĩa là năm thứ như lạc, v.v... vì sự của chỗ dựa đối với các tùy miên như tham, v.v... tăng thượng đối với nhiễm.

Có nói: Đây là đối với hai phẩm nhiễm, tịnh, đều có tăng thượng.

Nói vì tham đắm, vì chỗ dựa của xuất ly, vì vui thích nên tâm định, khổ vì tín dựa. Sáu dựa nơi xuất ly, hỷ và ưu xả, vì Khế kinh nói: Tám căn như tín căn, v.v... tăng thượng đối với tịnh, như Khế kinh nói: Đệ tử bậc Thánh của ta có tin ở tường, hào, có thể lực siêng năng, có nghĩ nhớ, ngăn giữ, tâm định giải thoát, tuệ làm dao, gươm, cho đến nói rộng. Trong đây, vì gồm nhiếp ba căn sau, nên căn kia đối với phẩm tịnh chắc chắn có tăng thượng.

Nếu vì tăng thượng nên lập làm căn, thì hai pháp thọ, tưởng trong các phiền não của phẩm ái, kiến có tác dụng tăng thượng, tương ứng như thọ cũng lập làm căn. Lại, các phiền não ở trong phẩm, v.v... làm tổn hoại thiện, có công dụng tăng thượng, nên thành thể của căn. Lại, vì vượt hơn hết, nên lập các căn.

Trong tất cả pháp, Niết-bàn là pháp hơn hết, vì sao không lập Niết-bàn làm căn? Lại Ca-tỳ-la ngữ nói đầy đủ tay, chân và chỗ đại tiện cũng lập làm căn?

Đối với ngữ chấp hành và năm xả bỏ, vì có tăng thượng với những việc như thế, v.v... nên không lập căn. Do đã thừa nhận căn có tướng như vậy. Tụng rằng:

Tâm sở dựa vào đó

*Đây trụ tạp nhiễm này
 Tư lương ấy, tịnh ấy
 Do lượng này lập căn.*

Luận chép: Tám sở nương dựa, nghĩa là sáu căn như mắt, v.v..., sáu nội xứ này là gốc của hữu tình. Sự sai khác của tướng này là do căn nam, căn nữ. Lại do một kỳ hạn trụ của mạng căn, căn này thành tạp nhiễm. Do nam căn thọ thành tư lương tịnh ấy, do năm căn như tín căn, v.v... căn này thành thanh tịnh. Vì ba căn sau, do đó việc lập căn đều rất ráo, vì thế không nên lại lập tướng, v.v... làm căn. Vì lỗi của ái trong các phiền não rất nặng, nên chỉ lập thọ và ái kia làm căn.

Lỗi của ái nặng, nghĩa là do Khế kinh nói: Vì ái làm sinh nhân cho sáu xứ. Lại, tướng không phải sinh nhân của phiền não kiến, nhân khác phát sinh điên đảo kiến rồi, vọng tưởng phân biệt gìn giữ khiến cho nối tiếp nhau. Vì lia chánh đối trị, không thể dứt hoại, nên nói tướng này làm nhân cho thọ kia, thọ làm nhân cho ái, đều có hai thứ, thọ là lỗi nặng, vì nhân phiền não, vì chung hai nhân, nên lập riêng làm căn.

Có sư khác nói: Tướng là pháp khác bị lấn đoạt, nên không lập làm căn. Nghĩa là chánh tuệ lấn đoạt các tướng thiện, điên đảo lấn át các tướng nhiễm ô, không phải vì tăng thượng nên không lập làm căn. Lại, các phiền não cũng không phải tăng thượng, vì thọ, ở trong đó thành tăng thượng nên chỉ thọ đối với ái kia có thể lập làm căn. Hoặc gây hao tổn phẩm thiện, làm hư hoại quả vui. Thấp kém, thô sơ, cấu uế, làm sao lập căn? Vì căn là pháp tăng thượng của thế gian. Lại, đối với các pháp Niết-bàn, dù vượt hơn, nhưng vì diệt các căn nên không lập làm căn, như đập vỡ các bình, mảnh vỡ không phải thể của bình. Lại, ngữ cụ, v.v... cũng không gọi là căn, vì lỗi không chắc chắn, tạp loạn, thái quá.

Lỗi không chắc chắn là những ngữ cụ lập làm ngữ căn, có khả năng phát ngôn âm, gọi là ngữ cụ, đây chính là cái lưỡi.

Nếu vậy, thì lẽ ra pháp tầm, tứ, v.v... và chủ thể dẫn khởi ngữ nghiệp, các giác cũng lập làm căn, vì công năng phát ngữ. Nghĩa là tầm, tứ, v.v... dựa vào duyên môi, răng, má, cổ họng phát khởi ngôn âm, vì không phải chỉ dựa vào lưỡi, không có nhân khác. Lại, tầm, tứ, v.v... đối với phát ngôn âm, là nhân vượt hơn. Lại, các tay, mồ hôi, ống sáo, dây đàn, hơi thở, v.v... đều có công năng làm nhân phát ra tiếng nói, vì thế không nên chỉ lập lưỡi làm ngữ căn.

Nếu cho rằng thấy rõ sắc cũng do lời nói, vì thế không nên chỉ lập mắt làm căn, về lý sẽ không đúng, vì các người mù bẩm sinh, dù nghe

nói về màu sắc, nhưng không hiểu rõ tướng khác nhau của màu xanh, v.v..., nên tay đối với cầm lấy không nên gọi là căn, vì miệng, v.v... cũng có công năng cầm lấy vật, chân đối với hành động, không nên gọi là căn. Loài rắn, cá, v.v... không do chân có hành động, chỗ phát ra đại tiện, đối với công năng xả bỏ, không nên gọi là căn. Miệng, v.v... cũng có công năng xả bỏ.

Lỗi tạp loạn là căn đã lập kia lẽ ra thành tạp loạn, vì miệng có công năng cầm lấy và vứt bỏ, vì tay, chân đều có công dụng chấp hành, nên có lỗi lẫn lộn thái quá như thế.

Lỗi thái quá, căn đã lập kia, lẽ ra không hạn lượng. Nếu thiết căn khác, ngữ căn khác, thì phải thừa nhận tử căn khác với căn hơi thở, như vì lưỡi có công năng nói, mũi thông hơi thở. Nếu đây so với kia có ít tác dụng, tức lập làm căn, tức là cổ họng, răng, môi, dạ dày, v.v... Đối với các việc nuốt, nhai, thâu giữ, v.v... vì có tăng thượng nên lập làm căn, hoặc tất cả nhân đối với quả của mình, vì đều tăng thượng, nên đều lập căn, nên Ca-tỳ-la, như đồng tử đùa giỡn, không nên thừa nhận căn như ngữ cụ, v.v... kia.

Đã nói về nghĩa căn và kiến lập nhân, nay sẽ nói về mỗi tự thể của các căn trong đây mắt, v.v... cho đến nam căn, ở trước trong phẩm này đã nói về tướng của nam căn, nghĩa là thức đã đưa vào năm thứ tịnh sắc, gọi là các căn như mắt, v.v... Hai căn nam, nữ, từ sự sai khác của một phần thân mà lập, vì thể của mạng căn là không tương ứng, nên trong phần không tương ứng, đến đó sẽ nói về. Thể của tín căn, v.v... vì là pháp tâm sở, nên trong phần pháp tâm sở đến lúc sẽ nói về. Về năm thọ như lạc thọ, v.v..., ba căn vô lậu, lại không có nơi về xứ, nên nay sẽ giải thích.

Tụng rằng:

*Thân không vui gọi khổ
Tức vui ấy gọi lạc
Và ba định tâm vui
Chỗ khác, gọi là hỷ
Tâm không vui gọi lo
Trong xả hai không khác
Kiến, tu đạo Vô học Dựa
chín, lập ba căn.*

Luận chép: Thân, nghĩa là thân thọ. Vì căn dựa vào sắc, tức thọ tương ứng với năm thức.

Nói không vui là nghĩa tổn não. Đối với năm thức đều có lãnh

trong xúc, thọ, hay tổn não, gọi là khổ căn.

Nói vui lòng là gồm nhiếp nghĩa tăng ích, tức năm thức đều có nhận lãnh trong xúc, thọ, gồm nhiếp tăng ích, gọi là lạc căn.

Ba thức đều vui trong Sơ tĩnh lự, cũng vì đồng chủng loại thuộc về tĩnh lự này. Ý thức tĩnh lự thứ ba đều thọ, hay gồm nhiếp tăng ích, nghĩa là cũng gọi lạc căn, vì địa kia không còn thân thức khác, nên ý đều vui vẻ, lập làm lạc căn, ý thức đều sinh, vui vẻ, cảm thọ có hai. Ở định thứ ba, gọi là lạc, do trong địa này vì lìa tham hỷ nên trừ định thứ ba.

Trong ba địa dưới, gọi là hỷ căn, vì có tham hỷ. Hai tâm vui vẻ này gồm nhiếp nghĩa tăng ích đồng, hành tướng đâu có khác, được chia làm hỷ, lạc, do hành tướng chuyển biến có khác nhau. Nếu có hài lòng, chuyển biến hành yên tĩnh gọi là lạc căn. Nếu có tâm vui vẻ, chuyển biến hành thô động, sẽ gọi là hỷ căn. Hoặc lạc căn gồm nhiếp sức tăng vượt hơn, hỷ căn thấu giữ tăng ích thì không như thế.

Do lạc của địa tĩnh lự thứ ba này, các bậc Thánh gọi là chỗ bị mê đắm, đều ý thức có công năng thọ tổn não, tâm này không vui, gọi là ưu căn.

Đã y cứ thân, tâm cảm thọ vui vẻ, không vui vẻ, với hành tướng khác nhau, lập ra bốn thọ căn.

Nói ở giữa, xả hai không khác nhau: Trung là nghĩa không vui lòng, chẳng phải không vui lòng, tức không khổ, vui, gọi là xả căn.

Thân tâm cảm thọ ở giữa, định này cảm thọ gì?

Nên nói thọ này có cả khổ, vui ở thân tâm.

Vì sao đều chia làm hai, không khổ, không vui chỉ lập một căn, đây là vì thân tâm không có khác nhau. Nghĩa là tâm khổ, vui, với nhiều phần vợi vã, dao động. Khổ, vui ở thân thì làm an trụ, không khổ, không vui ở thân, ở tâm, hành tướng không khác vì chỉ an trụ. Lại, tâm khổ, vui, thường sinh phân biệt, ở thân không như vậy, vì tùy theo sức của cảnh.

A-la-hán, v.v... cũng sinh như thế. Xả ở thân, tâm đều không có phân biệt, hành tướng trong xứ nhập vận mà khởi. Lại, khổ lạc thọ ở thân ở tâm, hành tướng chuyển biến khác đối với oán, đối với thân, không khổ, không vui ở thân, ở tâm, đối với cảnh ở giữa, hành tướng không khác. Cho nên, khổ, vui đều chia làm hai, không khổ, không vui chỉ lập một căn.

Đã giải Thích-các lạc, v.v..., thể của thọ căn, ba căn vô lậu, kế nay sẽ giải thích:

Không thể mỗi nói riêng về thể vô lậu, nên y cứ ở ba đạo, dựa vào

chín, lập chung năm căn: Ý, lạc, hỷ, xả, tín căn, v.v...

Trong ba đạo chín căn này tức là ba vô lậu. Nghĩa là chín pháp như ý, v.v... ở kiến đạo, tức là thể của vị tri đương tri căn, vì chuyển biến hành tướng của vị tri, đương tri căn. Nếu chín pháp như ý, v.v... ở tu đạo, tức là thể của dĩ trí căn thứ hai. Vì muốn dứt trừ tùy miên còn lại, nên đối với cảnh dĩ trí phải phân biệt rõ.

Chín pháp như ý, v.v... ở đạo Vô học, tức là thể của cụ tri căn thứ ba. Vì tự biết, biết mình, nên gọi là biết, vì huân tập biết thành tánh, hoặc vì có khả năng giữ biết, nên gọi là cụ tri.

Vì tương ứng chín căn hợp thành việc này, nên tám căn như ý v.v... cũng được tên gọi ấy.

Như vậy, tên căn dù hai mươi hai, nhưng thể của các căn chỉ có mười bảy, vì hai căn nam, nữ thuộc về thân căn, ba căn vô lậu gồm nhiếp chín căn.

Như thế là đã giải thích về thể căn khác nhau, nay sẽ nói về nghĩa loại, các môn khác nhau:

Trong hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn là hữu lậu, bao nhiêu căn là vô lậu?

Tụng rằng:

*Chỉ vô lậu ba sau
Mạng ưu, khổ, có sắc
Nên biết chỉ hữu lậu
Chung hai, chín căn khác.*

Luận chép: Kế là ba căn sau cuối đã nói trước đây, thể của chúng chỉ vô lậu, là nghĩa vô cấu. Cấu với lậu, tên khác nhưng thể đồng. Bảy căn hữu sắc vì thuộc về sắc uẩn, nên gọi là hữu sắc. Căn hữu sắc này, căn mạng và ưu, khổ hoàn toàn hữu lậu.

Chín có hai, tức thuộc về ba vô lậu đã nói ở trước. Chín căn như ý, v.v... gọi là vô lậu, chín thứ như ý, v.v... còn lại là hữu lậu.

Có nói: Tín căn, v.v... cũng chỉ là vô lậu. Nhận định này không đúng, vì như Đức Thế tôn nói: Nếu ta đối với năm căn như tín căn, v.v... này, vẫn chưa biết như thật là tập, là mất đi lỗi tai hại của vị, là sự xuất ly, chưa thể siêu việt hàng trời, người này ở thế gian, cho đến nói rộng, không phải pháp vô lậu. Nên tạo ra sự quán sát theo thứ lớp như thế. Lại, khi Phật chưa chuyển chánh pháp luân, trước hết, Ngài dùng Phật nhãn để quán sát khắp thế gian, các loài hữu tình có các căn khác nhau: nhay bén, trung bình, yếu kém. Đây là chắc chắn lựa chọn rộng, như trong luận Thuận Chánh Lý.

Đã nói về hữu lậu, vô lậu. Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn là dị thực, bao nhiêu căn không phải dị thực?

Tụng rằng:

*Mạng chỉ là dị thực
Ưu và tám sau không
Ý sắc, bốn thọ khác
Mỗi mỗi đều có hai.*

Luận chép: Vả lại, không có phân biệt trong các căn này, chỉ một mạng căn chắc chắn là dị thực, làm sao mạng ấy có thể không có phân biệt? Vì quả chắc chắn, vì mạng căn không phải dị thực.

Mạng căn như thế cũng là dị thực, được định bờ mé, lẽ ra là quả Bí-sô, ở trong chúng Tăng, hoặc người riêng đã bố thí, là tư duy quả. Đối với ta chiêu cảm nghiệp dị thực giàu có, nguyện đều chuyển biến, chiêu cảm quả dị thực sống, vì bậc Thánh đã nói.

Có nói: Dị thực kia do sức của định bờ mé, dẫn lấy sự sinh trước, thuận với thọ nghiệp bất định, đã chiêu cảm sự sống, sao cho hiện thọ dụng. Lại, có người muốn cho sức của định bờ mé, dẫn sinh quả dị thực tàn dư của nghiệp ở đời trước, ưu căn và tám căn như tín căn, v.v... sau đều không phải dị thực, là tánh hữu ký.

Kinh nói: Có nghiệp thuận với ưu thọ, nghĩa là dựa vào thọ tương ưng, nói thuận không có lỗi, như nói: Có xúc thuận với lạc thọ, v.v...

Vì sao nhất định biết ưu không phải dị thực?

Người lìa dục tham vì không tùy chuyển, vì dị thực không như vậy, nên không phải dị thực.

Làm sao chắc chắn biết người lìa dục tham, ưu không tùy chuyển? Vì ưu là quả đẳng lưu. của vô tri.

Vì A-la-hán, v.v... tất cả vô tri đều đã dứt, vì các tướng oán ghét đều không có. Các A-la-hán lìa dục tham, vì đã dứt các tai họa ở cõi Dục, các tướng oán ghét cũng không có. Lại, vì sự nối tiếp nhau, phần nhiều, vui vẻ. Người lìa dục tham vì ưu không tùy chuyển, nên biết được ưu căn vượt qua pháp dị thực. Căn khác có cả hai, nghĩa so sánh đã thành. Nghĩa là bảy ý căn của sắc trừ ưu, bốn thọ khác, mười hai, mỗi thọ đều có cả hai loại. Bảy căn hữu sắc, nếu đã được nuôi lớn thì không phải dị thực, căn khác đều dị thực.

Ý và bốn thọ, hoặc thiện, nhiễm ô, hoặc đường oai nghi và xứ công xảo và công năng biến hóa, tùy theo đối tượng thích ứng của chúng, cũng không phải dị thực, thọ khác đều là dị thực.

Như thế, đã nói về dị thực, v.v... Trong hai mươi hai căn, bao

nhiều căn có dị thực, bao nhiêu căn không có dị thực?

Tụng rằng:

*Ưu định có dị thực
Tám trước, ba sau không
Ý và thọ, tín thấy.
Mỗi đều có hai.*

Luận chép: Như trước đã nói: Ưu căn nên biết chắc chắn có dị thực, chắc chắn nói khác, chứng tỏ chỉ có chẳng phải không ngăn, chẳng phải nhân dị thực, là vô lậu vô ký. Tám thứ trước như mắt, v.v... và ba sau cuối, mười một căn này chắc chắn không có dị thực, vì tám vô ký, và ba vô lậu, các căn khác đều có cả hai.

Nghĩa y cứ đã thành, tức là bốn thọ khác của ý căn, nói tín căn, v.v... đều nhận lấy bốn căn như tinh tấn, v.v... Mười căn này, mỗi căn đều có cả hai loại. A-thế-da, hỷ, xả, nếu bất thiện, thiện hữu lậu, thì có dị thực. Nếu vô lậu, vô ký, thì không có dị thực. Nếu khổ căn thiện, bất thiện, thì có dị thực, nếu vô ký thì không có dị thực. Năm căn như tín căn, v.v... nếu hữu lậu thì có dị thực, nếu vô lậu thì không có dị thực.

Đã nói về có dị thực, v.v... Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu căn thiện, bao nhiêu căn bất thiện, bao nhiêu căn vô ký?

Tụng rằng:

*Chỉ thiện, tám căn sau
Ưu chung thiện, bất thiện
Ý, thọ khác, ba thứ
Tám trước chỉ vô ký.*

Luận chép: Năm căn như tín căn, v.v... và ba vô lậu hoàn toàn là thiện. Ưu căn thì chung nơi tánh thiện và bất thiện. Ý và bốn thọ đều có cả ba tánh. Tám căn như mắt, v.v... chỉ là vô ký.

Như vậy đã nói về thiện, bất thiện, v.v... Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn lệ thuộc cõi Dục, có bao nhiêu căn lệ thuộc cõi Sắc và có bao nhiêu căn lệ thuộc cõi Vô sắc?

Tụng rằng:

*Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Như kế trừ ba sau
Gồm nữ, nam, khổ, ưu
Và hỷ, lạc sắc khác.*

Luận chép: cõi Dục, trừ ba căn vô lậu sau, vì ba căn kia chỉ là không lệ thuộc, nên so sánh biết, lệ thuộc cõi Dục, có mười chín căn còn lại. Cõi Sắc như trước đã nói, trừ ba vô lậu, cũng trừ bốn căn ưu,

khổ nam, nữ. So sánh biết mười lăm căn cũng lệ thuộc cả cõi Sắc, trừ căn nam, nữ, v.v... nghĩa là cõi Sắc đã lia pháp tham dục, vì trừ tham dục nên không có nhân gì phải thọ dục.

Có nói: Vì thân này xấu xí. Nói này không đúng, vì âm tàng ẩn kín, nên chẳng phải xấu xí. Tuy nhiên, Phật gác qua việc ấy ở trong phẩm nam, như Khế kinh nói: Không chỗ nào không chấp nhận thân nữ là phạm hạnh. Có chỗ nào có chấp nhận thân nam làm phạm hạnh. Nghĩa là lia dục, oai nghi mạnh mẽ, vì giống với công dụng của nam, như có lời khen ngợi vua Đại Phạm:

*Đại Phạm như trượng phu
Sở đắc đều đã được
Đạo lia dục oai mãnh
Nên gọi là trượng phu.*

Trừ khổ căn: Trong cõi Sắc không có việc tổn hại, vì khổ là nghiệp dị thực của tổn hại.

Có nói: Vì thân Đại Phạm kia rất thanh tịnh mầu nhiệm.

Trừ ưu căn: Vì xứ kia không có tướng oán ghét. Lại, vì Xa-ma-tha (chỉ) thấm nhuần sự nối tiếp nhau.

Có nói: Cõi Sắc có trí lia dục, vì ưu là quả đẳng lưu của vô tri. Cõi Vô sắc, như trước đã nói, trừ nữ, nam, ưu, khổ, ba vô lậu, trừ hỷ, lạc và năm sắc căn. So sánh biết tám căn còn lại đều lệ thuộc cõi Vô sắc.

Như thế là nói về lệ thuộc cõi Dục, v.v... Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn do kiến dứt, có bao nhiêu căn do tu đoạn và có bao nhiêu căn không đoạn?

Từng nói:

*Ý ba, thọ đều ba
Ưu do kiến, tu dứt
Chín chỉ do tu dứt
Năm tu, không ba phi.*

Luận chép: Hỷ, lạc, xả của ý, mỗi pháp có cả ba, ưu căn chỉ có kiến, tu dứt, vì không phải vô lậu. Bảy sắc, mạng, khổ, chỉ do tu dứt. Hữu sắc không có nhiễm, vì không phải sáu sinh, vì không phải vô lậu.

Năm căn như tín căn, v.v... hoặc do tu dứt, hoặc không dứt, có cả thiện hữu lậu và vô lậu. Ba căn sau cuối không phải đối tượng dứt, đều là vô lậu, vì không có pháp lỗi. Nhưng Khế kinh nói: Nên biết Thánh đạo cũng như thuyền, bè, pháp còn nên dứt, hướng chi là phi pháp. Pháp này không phải đối tượng dứt của hai đạo kiến tu, nhập quả vị Niết-bàn

vô dư y, vì xả, nên gọi là dứt.

Đã loại nghĩa khác nhau của các môn, sẽ nói đầu tiên được các căn dị thực: Có bao nhiêu căn dị thực đầu tiên được ở cõi nào? Cần phải hỏi được căn dị thực đầu tiên, ngăn dứt tâm bất nhiễm, vì có thể nối tiếp nhau sinh.

Tụng rằng:

*Thai, noãn, thấp cõi Dục
Đầu được hai dị thực
Hóa sinh sáu, bảy, tám
Sắc sáu, Vô sắc mạng.*

Luận chép: Thai, noãn, thấp, sinh cõi Dục, vị thọ sinh đầu tiên, chỉ được hai căn dị thực: thân và mạng, nêu thai, noãn, thấp, chỉ rõ trừ hóa sinh, vì sắc căn của hóa sinh không có khởi hỷ thẹn.

Đây là nói về dị thực, không nói khi ý xả, vì định kia nhiễm, không phải dị thực. Bấy giờ, cũng được các căn như tín căn, v.v..., vì không phải dị thực, nên trong đây không nói. Nhân này do hóa sinh nói, không nói về vị Yết-thích-lam của ba sinh, dù được pháp dị thực sinh của sắc, v.v..., nhưng vì thể không phải căn, nên ở đây không nói. Vì đầu tiên của hóa sinh được sáu, bảy, tám, không có hình, được sáu, như lúc kiếp sơ. Sáu, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, mạng, một hình được bảy, như chư thiên, v.v... Hai hình được tám, đường ác chấp nhận có hai hình hóa sinh. Cõi Sắc đầu tiên được sáu, như hóa sinh cõi Dục.

Không có hình, nói trên chỉ là mạng, nghĩa là cõi Vô sắc, vì định sinh đều vượt hơn, nên gọi là trên. Ở cõi Vô sắc kia, đầu tiên chỉ được mạng căn dị thực. Do đó chứng biết mạng căn có thật. Nếu mạng căn này chẳng phải có, thì được căn nào gọi là sinh Vô sắc, không phải thiện, nhiễm ô, gọi quả nghiệp sinh, chưa thọ sinh cõi kia, vì khách hiện khởi. Lại, tâm dị thực không có lý nối tiếp sinh, vì chỉ thừa nhận tâm nhiễm, hay nối tiếp sinh. Lại, quá khứ, vị lai chẳng có luận bàn: Bấy giờ, dị thực của ba đời đều không có, sự sinh dựa vào đâu nói phải thừa nhận mạng thật.? Vì sự sinh kia dựa vào nói căn dị thực. Đầu tiên được rồi, sẽ nói các căn đã diệt sau cuối.

Khi chết ở cõi nào? Có bao nhiêu căn diệt sau?

Tụng rằng:

*Khi chết, các căn diệt
Vô sắc ba, Sắc tám
Dục liền mười, chín, tám
Chậm bốn. Thiện tăng năm.*

Luận chép: Vả lại, nói nhiễm ô và vô ký, tâm khi qua đời, căn diệt ít nhiều. Nghĩa là khi ở cõi Vô sắc sắp qua đời, ba căn mạng, ý, xả diệt ở sau cuối, Vô sắc chỉ có xả, không phải thọ. Ngoài ra, nói Vô sắc là nói ngăn dứt hữu sắc kia.

Có sư khác nói: Vì hữu sắc, nếu không nói mạng căn, có vật thật, thì dị thực nào dứt, gọi là Vô sắc chết? Nếu nói vì dị thực của bốn uẩn dứt, nên Vô sắc kia gọi là chết, thì tâm thiện, nhiễm ô sẽ hiện ở vị trước, lẽ ra cũng gọi là chết chẳng? Nếu nói địa Vô sắc đã thọ dị thực cũng chưa hết, thì làm sao không thọ mà có lúc hết? Tâm nhiễm ô thiện hiện ở vị trước, sẽ nói địa Vô sắc kia đã thọ nghiệp dị thực nào? Chẳng phải không hiện tiền mà có thể gọi là thọ chẳng?

Dị thực khác chắc chắn lựa chọn rộng như luận Thuận Chánh Lý.

Khi ở cõi Sắc chết, tám căn sẽ diệt sau, nghĩa là năm căn như căn mắt, v.v... và ba căn trước. Hóa sinh sống chết, vì căn không thiếu, nên khi chết tức khắc, mười, chín, tám căn diệt. Hai hình, mười căn diệt, nghĩa là căn nữ, căn nam và ở trước đã nói tám. Một hình, chín căn diệt. Vô hình, tám diệt. Nếu khi chết dần thì bốn căn thân, mạng, ý, xả sẽ diệt sau.

Bốn căn này không có nghĩa diệt trước, sau. Nếu tâm thiện ở ba cõi, khi chết, trong tất cả vị thường đều tăng năm. Tâm thiện, sẽ có căn tín căn, v.v..., nghĩa là ở Vô sắc tăng tới tám căn, cho đến cõi Dục, tăng dần, sau cùng đến chín. Nay lại nên tư duy:

Có bao nhiêu căn có thể được quả Sa-môn? Dù quả Sa-môn không phải căn cũng được. Đây là vì nói về căn, nên chỉ hỏi về các căn. Tụng rằng:

*Chín được hai quả biên
Hai trong bảy, tám, chín
A-la-hán mười một
Dựa một cho có nói.*

Luận chép: Biên, nghĩa là quả Dự lưu và A-la-hán. Giữa, là quả Nhất lai và Bất hoàn. Vả lại, quả Dự lưu do chín căn được, đó là ý, xả, tín căn, v.v..., và hai căn vô lậu đầu. Vì quả này và hưởng chưa đến địa thâm giữ, nên chỉ có xả.

Thế nào là quả này do dĩ tri căn mà được?

Do ly hệ đắc và đạo giải thoát đều khởi cùng lúc.

Mặc dù đạo Giải thoát đối với quả Sa-môn không phải nhân đồng loại mà là tương ứng, vì nhân câu hữu, gọi là Đắc, không có lỗi. Hoặc dĩ tri căn cũng là nhân đồng loại, có thể được quả Dự lưu. Nghĩa là khi

chuyển y.

Như A-la-hán y cứ chấp nhận có nói cũng không có lỗi là:

Quả A-la-hán cũng có chín căn được, nghĩa là ý, tín căn, v.v..., hai vô lậu sau. Hễ lấy bất cứ một thứ nào trong lạc, hỷ, xả. Vì quả này và hưởng gồm cả chín địa, nên hễ lấy bất cứ một thọ nào trong ba thọ. Hai quả trung gian, mỗi quả đều có cả bảy, tám, chín, được đạo thế gian, xuất thế gian, vì thứ lớp siêu việt chứng khác nhau. Vả lại, quả Nhất lai chứng theo thứ lớp, nghĩa là dựa nơi đạo thế gian do bảy căn được, gọi là ý và xả, năm căn như tín căn, v.v... Dựa vào đạo xuất thế, do tám căn được, đó là bảy căn trước và dĩ tri căn. Lìa dục tham gấp bội, siêu việt chứng, như quả Dự lưu do chín căn đắc, chứng quả Bất hoàn, nên biết cũng vậy. Thể lệ chung, tuy nhiên vẫn có khác nhau.

Hoàn toàn lìa dục tham, siêu việt chứng, nghĩa là vì dựa vào địa riêng, nên ba thọ tùy theo bất cứ một thọ nào. Chứng theo thứ lớp: Nếu đạo Giải thoát thứ chín, nhập địa căn bản, dựa vào đạo thế gian, do tám căn được hỷ là thứ tám dựa vào đạo thế gian, do chín căn được dĩ tri căn thứ chín. Nếu A-la-hán cũng chín căn được, trái với luận Phát Trí.

Người kia hỏi: Có bao nhiêu căn được A-la-hán?

Đáp: Có mười một, vì ba thọ chắc chắn không, khởi cùng lúc, nên chỉ do chín đắc. Nói mười một căn, dựa vào chấp nhận nói có, nghĩa là chấp nhận có một Bồ-đặc-già-la, từ vị Vô học, thường lui sụt rồi, do hỷ, lạc, xả, thường chứng đắc trở lại, chẳng phải quả Bất hoàn có đồng lỗi này. Vì thứ lớp không chấp chấp nhận đắc quả lạc căn, vì siêu việt không chấp nhận lỗi lui sụt.

Nay, nên tư duy lựa chọn căn nào thành tựu? Trong các căn kia, có bao nhiêu căn chắc chắn thành tựu? Tụng rằng:

*Thành tựu mạng, ý, xả
 Chắc chắn thành tựu ba
 Nếu thành tựu lạc thân
 Chắc chắn thành tựu bốn
 Thành mất thấy và hỷ
 Chắc chắn thành năm căn
 Nếu thành tựu khổ căn
 Chắc chắn thành tựu bảy
 Nếu thành nữ, nam, ưu
 Tín thấy đều thành tám
 Hai vô lậu mười một
 Vô lậu đầu: mười ba.*

Luận chép: Tùy theo thành tựu bất cứ một pháp nào trong ba pháp mạng, ý, xả, A-la-hán kia chắc chắn thành tựu ba căn như thế, không phải thiếu thành tựu trong ba căn này, đều khắp tất cả địa và vì dựa vào năm căn như tín căn, v.v... khắp tất cả địa, không phải tất cả y mà là vì hai câu phi khắp của mười bốn căn khác, nên thành tựu xả, v.v..., chỉ chắc chắn thành ba, căn khác hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu:

Thế nào là thành tựu bốn căn như căn mắt, v.v... sinh cõi Sắc, hoàn toàn là phần ít của cõi Dục, thân căn sinh ở cõi Dục, cõi Sắc hoàn toàn, nữ, nam sinh phần ít của cõi Dục. Lạc căn sinh ở ba định dưới cõi Dục và bậc Thánh sinh lên cõi trên. Nếu sinh cõi Dục hoàn toàn ưu, dục tham chưa lìa, năm căn như tín căn, v.v... nếu không dứt thì ba căn vô lậu đã được chưa xả.

Các vị như thế đều chắc chắn thành tựu, trừ đây, các vị khác chắc chắn không thành tựu.

Nếu đã thành tựu lạc căn thì chắc chắn sẽ thành tựu bốn, nghĩa là mạng, ý, xả, lạc. Nếu đã thành tựu thân căn, thì chắc chắn cũng sẽ thành tựu bốn, là mạng, ý, xả, thân, căn khác hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Nếu đã thành tựu nhãn căn thì chắc chắn sẽ thành tựu năm, là mạng, ý, xả, thân và nhãn căn, căn tai, mũi, lưỡi, nên biết cũng có năm. Bốn căn trước như mắt, căn mình thứ năm. Nếu đã thành hỷ căn, cũng chắc chắn thành năm, gọi là mạng, ý, xả, lạc và hỷ căn, sinh định thứ hai chưa lìa tham, chỉ thành lạc thọ nhiệm ô thứ ba.

Nếu đã thành khổ căn, thì chắc chắn sẽ thành tựu bảy, gọi là: thân, mạng, ý và bốn thọ trừ ưu.

Nếu đã thành nữ căn thì chắc chắn sẽ thành tựu tám: bảy như nói khổ căn, nữ căn thứ tám. Nam, ưu căn cũng có tám: bảy như nói khổ căn và tự căn thứ tám. Tín căn, v.v... cũng tám, nghĩa là mạng, ý, xả và năm căn như tín căn, v.v...

Nếu nữ, nam đều thành thì người kia chắc chắn thành mười lăm.

Nếu đã thành tựu cụ tri căn thì chắc chắn sẽ thành tựu mười một, gọi là lạc, hỷ, xả, mạng căn, ý căn, năm căn như tín căn, v.v... và cụ tri căn, dĩ tri căn cũng vậy, căn mình là thứ mười một.

Nếu đã thành vị tri căn thì chắc chắn sẽ thành tựu mười ba, thân, mạng, ý, bốn thọ, trừ ưu, năm căn như tín căn, v.v... và vị tri căn. Vị qua đời dần, truyền nói cho thâm tâm vì chán ngán sự sống, chết, nên có khả năng nhập kiến đạo.

Như thế là nói về vị chắc chắn thành tựu, Bồ-đặc-già-la chắc chắn thành tựu, sẽ nói rất ít, thành tựu bao nhiêu căn?

Tụng rằng:

*Rất ít tám vô thiện
Thành thọ, thân, ý, mạng
Ngu sinh cõi Vô sắc
Thành thiện, mạng, ý, xả.*

Luận chép: Đã dứt căn thiện, gọi là không có thiện. Người ngu kia ít nhất thành tựu tám căn, là năm thọ căn và thân, mạng, ý. Căn cứ xả dần mạng, chỉ còn thân căn khác. Ngu, là dị sinh (phàm phu), vì chưa kiến đế. Người ngu kia sinh Vô sắc cũng thành tựu tám căn: năm căn như tín căn, v.v... và mạng, ý, xả, vì định thường và vì nói ngu, nên khéo nói không lẫn lộn với ba căn vô lậu.

Đối với nhiều nhất thì thành tựu bao nhiêu căn?

Tụng rằng:

*Nhiều nhất thành mười chín
Hai hình trừ ba tịnh
Bậc Thánh chưa lìa dục
Trừ hai tịnh, một hình.*

Luận chép: Đối với người hai hình, đủ các căn như căn mắt, v.v... trừ ba căn vô lậu, thành mười chín khác. Vô lậu gọi tịnh, vì lìa hai phược. Nếu bậc Thánh Hữu học chưa lìa dục tham, thành tựu nhiều nhất cũng đủ mười chín, trừ hai vô lậu và trừ một hình. Hai vô lậu là cụ tri căn, thuận theo một trong hai trước.

Nói một hình, không có hai hình và vô hình vì được pháp Thánh, nên nhân phân biệt giới.

Đã nói về rộng về căn, các hành câu sinh, nay sẽ tư duy lựa chọn.

Các hành trong đây, tóm tắt có hai thứ: hữu sắc và Vô sắc. Vô sắc có ba: tâm, tâm sở và bất tương ưng hành. Hữu sắc có hai, gọi là cực vi và phi cực vi. Cực vi có hai:

1. Lệ thuộc cõi Dục.
2. Lệ thuộc cõi Sắc.

Cực vi cõi Dục lại có hai thứ:

1. Nhóm không có căn.
2. Nhóm có căn.

Trong đây, nói về cực vi sắc nhóm. Tụng rằng:

*Dục nhóm nhỏ không tiếng
Không căn, có tám việc
Có thân căn, chín việc*

Mười việc, có căn khác.

Luận chép: Phần nhỏ nhiệm sau cuối trong sắc có đối, không thể phân tích được nữa, gọi là cực vi. Có nghĩa là cực vi này không thể còn dùng tuệ giác phân tích sắc khác thành nhiều được nữa, đây tức gọi là bờ mé sắc. Lại vì không có phần, nên đặt danh từ bờ mé, như một Sát-na, gọi là bờ mé của thời gian, lại không thể phân tích thành một nửa sát-na, vật thể cực vi này cũng như thế, mọi cực vi hòa hợp, không thể chia lìa, gọi là nhóm vi. Nhóm vi này ở cõi Dục, không có tiếng, không có căn, tám việc đều khởi, nghĩa là bốn đại chủng và sắc, hương, vị, xúc, nếu có tiếng, thì sẽ thành chín việc. Tiếng và tám thứ trước không nói, là nhằm biểu thị rõ tướng của đại chủng, vì đánh, gõ nên sinh, chẳng phải như sắc, v.v..., lúc nào cũng có.

Không có tiếng, có căn, hoặc chín, hoặc mười. Nghĩa là chín việc của nhóm thân căn đều khởi, tám như trước đã nói.

Thân căn thứ chín, mười việc trong nhóm căn khác cùng khởi, chín như nhóm thân, thêm mắt v.v... là một. Mắt, tai, mũi, lưỡi không lìa thân, vì dựa vào thân chuyển, nên bốn căn lần lượt lìa nhau mà sinh, vì mỗi xứ đều khác nhau. Xứ này có nhóm căn, nếu có tiếng sinh, thêm vào đó tiếng bị sinh, thành mười, mười một. Vì tiếng này có đại chủng chấp thọ làm nhân, nên với các căn không lìa nhau mà khởi. Không nói, vì như trước, nên biết.

Cõi Sắc chỉ trừ hai việc hương, vị, vì việc khác đồng với cõi Dục, nên không nói riêng.

Đã nói về sự, nói y thể (thể của nương dựa), y xứ (nơi chốn nương dựa), đều không có lỗi, đối tượng nương dựa, chủ thể nương dựa, y thể, y xứ, vì nói khác nhau, hoặc chỉ là y thể, cũng không có lỗi. Vì chắc chắn đều sinh mới nói có. Thể của hình, sắc, v.v... không phải chắc chắn có, vì trong ánh sáng thì không có. Hoặc chỉ y xứ cũng không có lỗi.

Vì ngăn dứt thường hủy báng nên nói riêng đại chủng. Hoặc chê bai: Đại chủng tạo sắc không có tánh riêng. Hoặc là hủy báng: Thể của sắc được tạo không có, xứ xúc riêng. Hoặc lại chê bai: Không phải tất cả nhóm gồm đủ bốn đại chủng. Nói riêng về đại chủng, lời chê bai này đều dứt, tuy nhiên không thành nhiều, vì nói theo loại.

Đã nói có sắc, chắc chắn đều có sinh, không có sắc đều có sinh, kể đây sẽ nói. Tụng rằng:

Tâm, tâm sở đi chung

Các hành tướng hoặc đắc.

Luận chép: Tâm và tâm sở chắc chắn sinh, hề thiếu bất cứ một

lúc nào, ngoài ra chưa từng khởi. Các hành tức là tất cả hữu vi, cái gọi là các hành có sắc, không có sắc, ở trước đều có nói, nên lưu truyền đến đây, nghĩa là có sắc, v.v... khi các hành sinh, đều cùng khởi với bốn tướng sinh, v.v....

Nói hoặc đắc, nghĩa là chỉ có pháp hữu tình đều sinh với đắc. Hoặc nói biểu thị rõ đắc này không hiện khắp các hành, trước đây đã nói trong bốn hữu vi.

Đã nói về rộng về sắc, tâm, như đã nói ở phẩm trước, pháp tâm sở, v.v... cũng chưa nói về rộng. Nay trước sẽ nói về rộng về các pháp tâm sở.

Tụng rằng:

Tâm sở lại có năm

Pháp đại địa đều khác.

Luận chép: Các pháp tâm sở có năm phẩm, vì pháp đại địa có khác nhau. Năm phẩm đó là:

1. Pháp đại địa.
2. Pháp đại thiện địa.
3. Pháp đại phiền não địa.
4. Pháp đại bất thiện địa.
5. Pháp tiểu phiền não địa.

Địa, là chỗ thọ, dừng, hoặc là chỗ sở hành. Nếu địa này là chỗ thọ, dừng nghỉ, chấp nhận, tức nói pháp này là địa của pháp kia, vì địa tức là địa nơi pháp đại của tâm, gọi là đại địa.

Trong đó, nếu pháp đại địa hiện có gọi là pháp đại địa, nghĩa là pháp hiện khắp với tất cả phẩm loại, tất cả tâm đều sinh.

Do đó, nên tâm không phải pháp đại địa, vì không phải tâm đều sinh. Pháp kia là gì? Tụng rằng:

Thọ, tưởng, tư, xúc, dục

Tuệ, niệm và tác ý

Thắng giải, Tam-ma-địa

Đối khắp tất cả tâm.

Luận chép: Đối với thân là chỗ nương tựa, có khả năng làm tổn, ích, hoặc có trái nhau, lãnh thọ ái và phi ái đều trái với xúc, gọi là thọ. An lập, chấp lấy cảnh nữ, nam, v.v..., nhân của tướng khác nhau, gọi là tưởng. Khiến tâm tạo tác thiện, bất thiện, vô ký, thành tánh tốt đẹp, trung bình, thua kém, gọi là Tư. Vì có tư, nên khiến tâm đối với cảnh có tác dụng dao động, cũng như lực hút của nam châm, có công năng làm cho sắt có tác dụng chuyển động. Do căn, cảnh, thức hòa. hợp mà sinh,

có thể làm nhân cho thọ, có khi đối với đối tượng xúc chạm, gọi là xúc. Mong cầu nhận lấy cảnh, gọi là Dục. Vì phân biệt, lựa chọn đối tượng duyên: tướng tà, chánh, v.v... gọi là Tuệ. Đối với cảnh, đáp sáng suốt là nhân không quên mất, gọi là niệm. Dẫn tâm, tâm sở sao cho đối với đối tượng duyên có chỗ cảnh giác, gọi là tác ý. Tác ý này tức thế gian gọi là để ý cảnh, đáp được gọi là thắng giải. Thắng là tăng hơn, giải là giải thoát, thắng giải này có công năng khiến tâm đối với cảnh không có ngăn ngại, tự tại mà chuyển, như giới tăng thượng, định tăng thượng, v.v... khiến tâm không rối loạn nhận lấy cảnh sở duyên, nhân không chuyển đi tản mát, gọi là Tam-ma-địa. Nói về dựa theo tự tướng, như đã giải thích năm việc

Như vậy là đã nói về mười pháp đại địa. Địa của pháp đại thiện gọi là đại thiện địa.

Trong đại thiện này, nếu tất cả pháp đại địa thiện, thì gọi là pháp đại thiện địa, nghĩa là pháp thường có ở các tâm thiện. Pháp đó là gì? Tụng rằng:

*Tín và không buông lung.
Khinh an, xả, tầm, quý
Hai căn và bất hại
Căn chỉ khắp tâm thiện.*

Luận chép: Tâm vẫn dục trái với hiện tiền, nhẫn chịu, nhân quả không có điên đảo, đều riêng lệ thuộc nhau, được dục nương tựa có công năng giúp đỡ thắng giải, nên gọi là tín.

Chuyên đối với lợi mình, ngăn ngừa thân, ngữ, ý, trái với buông lung, gọi là không buông lung.

Chánh tác ý, chuyển vận, thân tâm nhẹ nhàng, nhân của yên ổn, tâm tánh kham nhiệm, gọi là khinh an. Tánh bình đẳng của tâm gọi là xả.

Trái với trạo cử, như lý dẫn sinh, khiến tâm không vượt sai, đây là nghĩa xả.

Hướng đến như lý, hai thứ tự mình và pháp sinh ra tăng thượng, trái với ái đẳng lưu, tánh tự tại của tâm, gọi là tầm (hổ). Ưa thích tu tập công đức làm trước, trái với đẳng lưu si, nhằm chán pháp thua kém, xấu ác, gọi là quý (thẹn).

Có nói: Sợ hãi, trách phạt đường ác, nhân chê bai mình, người gọi là quý.

Hai căn là vô tham, vô sân. Tham đắm, mê đắm cảnh giới đã được, chưa được, trái với sự mong cầu, không có tánh nhiễm ái, gọi

là vô tham. Không có ý giận dữ, hãm hại đối với tình, phi tình, có hạt giống thương xót, gọi là vô sân.

Tâm tánh hiền thiện, trái với việc ưa thích tổn não hữu tình gọi là bất hại.

Đối với các công đức, lỗi đã sinh, giữ gìn, từ bỏ. Đối với các công đức, lỗi chưa sinh, khiến cho sinh, bất sinh, tâm không có tánh lười biếng, trễ nải, gọi là cần.

Vì có tánh siêng năng này, nên tâm đối với như lý, đã tạo nên sự nghiệp vững chắc, tiến bộ không ngừng.

Nói hai và nói gồm thuộc về ưa chuộng và nhàm chán. Nhàm chán, nghĩa là với tâm thiện, xem xét chắc thật, quán sát vô lượng lỗi. Vì tánh thật pháp, nên khởi thuận với tánh nhàm chán của tâm vô tham. Tương ứng với tánh này gọi là tác ý nhàm chán. Vui mừng, nghĩa là tâm thiện, vui mừng, mong cầu đối trị ra khỏi các lỗi. Sức tăng thượng này khởi, thuận với chứng đắc, tu tâm, tánh ưa chuộng. Vì tánh này đối với lìa bỏ chưa đến các địa cũng có hiện hành, nên chẳng phải hỷ thọ. Tương ứng với tánh này gọi là tác ý ưa chuộng.

Trong các Khế kinh, sự vui mừng, ưa chuộng, nói riêng từ ưa chuộng sinh mừng. Vì Khế kinh nói: Các nói này nói, mừng thua kém gọi ưa chuộng.

Khinh an, v.v... kia lẽ ra đồng với nói này, vì không có nhân khác. Vì sao chỉ mừng, nói có hơn, kém mà không phải vì khinh an, v.v..., nên về lý không đúng. Hành tướng ưa chuộng, nhàm chán lại trái lẫn nhau, đối với nhất tâm, không có chấp nhận đều khởi. Cho nên, ở đây không chính thức giảng rõ.

Pháp đại thiện địa, vì tánh không thành, nên cũng có hỷ căn, hạnh nhàm chán cùng chuyển, chắc chắn không có hạnh ưa chuộng, nhàm chán cùng chuyển.

Vì hai tâm sở tiêu biểu này chắc chắn không cùng hiện hành, nên nói hai và nói trái nhau.

